

**TỔNG CÔNG TY
THÉP VIỆT NAM-CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5 8 4**/TTr-VNS

Hà Nội, ngày **07** tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thép -CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 03/12/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/6/2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty) như sau:

Điều lệ sửa đổi giữ nguyên 12 Chương, tăng 2 Điều so với Điều lệ năm 2020. Bổ sung 02 điều tại chương IX quy định về Ban Kiểm soát. Nội dung sửa đổi, bổ sung chính gồm:

- Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát, quyền, nghĩa vụ; tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát;

- Điều kiện và thể thức thông qua Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông.

- Bổ sung quy định về Ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị.

(chi tiết các Điều, Khoản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ Tổng công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm tờ trình này)

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua. /...
TM

Nơi nhận:

- Các cổ đông VnSteel;
- HĐQT Tcty;
- Ban Kiểm soát Tcty;
- Lưu: VT, HĐQT, KTCP.



**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 584/TTr-VNS ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam)

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Khoản 1 Điều 1	c) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014; Luật d) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 21 tháng 11 năm 2010; e g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; h) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; f. <u>Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;</u> g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</u> i) <u>Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;</u>	Cập nhật lại một số viện dẫn và bổ sung một số thuật ngữ theo LDN 2020 phần giải thích từ ngữ.
2	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại	2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo <u>Điều 13 của Luật Doanh</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 12, LDN2020

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		diện theo pháp luật thực hiện theo <u>Điều 14 của Luật Doanh nghiệp</u> và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.	<u>nghiệp</u> và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc chết, mất tích, <u>đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định</u> thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.	
3	Khoản 2 Điều 5	2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác <u>được pháp luật cho phép</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác <u>mà pháp luật không cấm</u> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	
4	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập được lập và lưu trữ theo quy định của pháp luật. 8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	5. <u>Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.</u> 8. Tổng công ty <u>có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu</u> và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	Sửa đổi phù hợp với Điều 111 khoản 3, LDN2020
5	Điều 7 chứng nhận cổ phiếu	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa bằng	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.	a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới	
6	Điều 10. Mua lại cổ phần	2. Mua lại cổ phần.Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.	2. Mua lại cổ phầnCổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.	Sửa đổi phù hợp với Điều 133 khoản 3.b, LDN2020
7	Điều 11	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Cập nhật lại viện dẫn

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
8	Điều 13	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u>	Cập nhật, bổ sung theo Điều lệ mẫu và Khoản 2 Điều 115, LDN 2020
9		đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và <u>địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</u>	Sửa theo DL mẫu
10		g) Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;	g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;	Sửa theo DL mẫu
11			i) <u>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</u>	Bổ sung theo DL mẫu
12		e) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	k) <u>Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;</u>	Sửa theo DL mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
13			l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; <u>đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u>	Bổ sung theo ĐL mẫu
14	Khoản 2 Điều 13	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 1% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo quy định tại <u>Điều 161 Luật Doanh nghiệp.</u>	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp	Bỏ quy định việc sở hữu liên tục theo quy định của LDN
15		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a) <u>Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.</u> b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u> c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: <u>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp</u>	Căn cứ Khoản 2 Điều 115 LDN

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		;	hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra.	
16	Điều 13 khoản 4	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng</u> trở lên có các quyền sau: a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 và Điều 44 Điều lệ này;	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a) <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ quy định sở hữu liên tục từ 06 tháng đồng thời kết cấu lại phù hợp quy định của Điều lệ mẫu và LDN
17	Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông		4. <u>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</u> 7. <u>Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành</u>	Bổ sung một số nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều 119 LDN2020
18	Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty và tất cả các Cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần để quyết định những vấn đề quan trọng của Tổng công ty. Đại hội	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần để quyết định những vấn đề quan trọng của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể	Luật DN 2020 bổ quy định việc gia hạn Đại hội đồng cổ đông phải đề nghị cơ

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể <u>đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh quyết định</u> gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u>	quan đăng ký kinh doanh quyết định.
19		2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo năm có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u>	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u>	Căn cứ Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành theo TT 116 của BTC
20		3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b) <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u> c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị,	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b) <u>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</u> c) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải</u>	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định <u>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</u> d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; đ) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp <u>nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý của Tổng công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u> e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d) <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u> e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
21		4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường d) <u>Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u>	Bổ sung thêm điểm d
22	Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của	1. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u>	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;	Kết cấu lại theo quy định

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Đại hội đồng cổ đông	a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b) Báo cáo của Hội đồng quản trị; c) Báo cáo của Ban kiểm soát; d) Kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm; đ) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.	b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	của LDN 2020 và Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
23		2. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên và bất thường</u> thông qua quyết định về các vấn đề sau: a) Thông qua các báo cáo tài chính năm; b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; f) <u>Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty; thông qua quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.</u> l) Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; m) Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u>	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b) Báo cáo tài chính hàng năm <u>đã được kiểm toán;</u> c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và <u>kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> d) <u>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u> đ) <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</u> e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> r) <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u> s) Tổng công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại <u>khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng</u>	Kết cấu lại đồng thời cập nhật lại viện dẫn, bổ sung thêm một số nội dung phù hợp Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155 Hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng.

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; t) <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u>	
24	Điều 17. Các đại diện được ủy quyền	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp <u>thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u>	
25		2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 144, LDN2020 và Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
26	Điều 18. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Căn cứ khoản 6 Điều 148 LDN
27	Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 141, LDN2020
28		3.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)</u>	3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 143, LDN2020

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
29		4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u>	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u>	
30		5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: b) Vào thời điểm kiến nghị, <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 142, LDN2020
31		Không quy định	6. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung</u>	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			<u>cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	
32	Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 145, LDN2020
33		2. Trường hợp <u>không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội</u> , người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Trên cơ sở tham khảo Điều lệ mẫu
34		3. Trường hợp đại hội lần thứ hai <u>không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội</u> , Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp..	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
35	Điều 21. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đồng	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</u> Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó <u>hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
36		4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; d) <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điểm a,c,d Khoản 2 Điều 146, LDN2020
37		Bổ sung	5. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố biểu quyết vấn đề đó hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u>	
38		7. Chủ tọa của đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp	8. Chủ tọa của đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp <u>tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự</u>	Căn cứ khoản 8 Điều 146 LDN

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	<u>định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</u> a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	
39		Không quy định	9. <u>Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</u>	
40		Không quy định	10. <u>Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u>	Bổ sung nội dung này theo khoản 3 Điều 273 NĐ 155 về hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
41	Điều 22. Điều kiện để nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán; c) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. d) Giao dịch đầu tư hoặc mua, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này : a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;	Điều chỉnh thẩm quyền trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu và quy định tại Điều 148 LDN
42		1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: a) Báo cáo tài chính năm; b) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty; c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều này.	Điều chỉnh tỉ lệ căn cứ Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
43			4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;	
44			<u>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua hoặc bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.</u>	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 148 LDN
45			<u>6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 148 LDN
46	Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp sau: <u>a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</u> <u>b) Định hướng phát triển Tổng công ty;</u> <u>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> <u>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> <u>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo</u>	Chỉ rõ một số nội dung không được lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể công ty.	Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
47		5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo hình thức sau: a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: a) <u>Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u> b) <u>Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u>	Bổ sung cho rõ theo Điều 149.4 LDN
48		9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 148, LDN2020

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
49	Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1. d. Họ, tên chủ tọa và thư ký 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp., Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.	1.h. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</u> 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký <u>hoặc người khác ký tên trong biên bản</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp với Điểm i, Khoản 1 Điều 150, LDN2020
50		5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	4. <u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</u>	Tham khảo Điều lệ mẫu
51	Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	1.Trường hợp đã xác định được trước ứng b) <u>Trình độ học vấn;</u> ... e) <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;</u>	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, Xóa bỏ điểm b và e	Quy chế mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
52		2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. ..	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. ..	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 115, LDN2020
53		3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u>	3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u>	
54			4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Bổ sung thêm để làm rõ trong Điều lệ theo Điều lệ mẫu
55	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm hoặc kiêm nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u>	Bổ sung căn cứ Khoản 3 Điều 154 LDN

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
56		2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Tổng công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. <u>Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u>	Bổ sung trên cơ sở tham khảo điều lệ mẫu
57		3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b) Có đơn từ chức; c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; đ) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; f) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị <u>trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:</u> a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: i) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; ii) Có đơn từ chức và <u>được chấp thuận</u> ; iii) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: i) Không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; ii) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng	Điều chỉnh lại theo quy định của Điều 160 LDN 2020 và Điều lệ mẫu, theo đó chỉ rõ thành viên HĐQT mất tư cách trong các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Tổng công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần; g) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; h) Cổ đông pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị đó đại diện, mất tư cách pháp nhân; i) Tổng công ty bị giải thể theo quy định của Tòa án.	công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; iii) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần; iv) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; v) Cổ đông pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị đó đại diện, mất tư cách pháp nhân; vi) Tổng công ty bị giải thể theo quy định của Tòa án. c. <u>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản điểm a và điểm b khoản này.</u>	Bổ sung căn cứ Khoản 3 Điều 160
58	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Viết lại trên cơ sở tham chiếu điều lệ mẫu
59		2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định với những nội dung cơ bản như sau: k) Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định với những nội dung cơ bản như sau: b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo quy định của LDN và Điều lệ mẫu; Điều chỉnh số thứ tự cho phù hợp
60			c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			huy động thêm vốn theo hình thức khác;	
61		l) Đề xuất phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp; m) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; n) <u>Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</u>	d) Đề xuất phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;	
62			<u>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u>	
63		i) Quyết định các dự án đầu tư (trừ những dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông); việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	
64			g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	
65		d) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; đ) Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;	<u>i) Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Quy chế về công bố thông tin của công ty; Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;</u>	
66		e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và người điều	k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác được quy định trong Quy	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		hành khác được quy định trong Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty; quyết định tiền lương, quyền lợi khác của người điều hành; g) Quyết định cử, thay thế người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc;	chế quản lý cán bộ của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
67		f) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;	l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;	
68		h) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;	m) <u>Giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT; Hội đồng quản trị chủ trì giải quyết tố cáo trong các trường hợp sau: Tố cáo liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị (trừ trường hợp tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Ban kiểm soát chủ trì giải quyết); Tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Ban kiểm soát;</u>	
69		j)	n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung thêm và điều chỉnh số thứ tự
70		o) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;	o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
71		q) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;	q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Công ty;	
72			t) Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	
73		Không quy định	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
74	Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên HĐQT	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Căn cứ Khoản 1 Điều 163 LDN và tham khảo Điều lệ mẫu
75		2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp (nếu có) phải được	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết	Căn cứ Khoản 1 Điều 163 LDN và tham khảo Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.	định tại cuộc họp thường niên.	
76			3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Chỉ rõ nội dung này trong điều lệ
77		Chưa quy định	6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	
78	Điều 30. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: b) Lập kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; đ) Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua;	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: b) Lập chương trình, kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	Bổ sung thêm một số nội dung theo Điều 156 LDN
79		7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, nghỉ hưu, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày theo nguyên tắc quá bán.	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
80		6. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó thì Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện được nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số. Người này sẽ thay mặt chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị trở lại hoặc đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.	6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>vắng mặt</u> hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u>	Bổ sung một số trường hợp theo quy định của Khoản 4 Điều 156 LDN
81	Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị	2. Cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị.	Tham khảo Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
82		7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>năm (05) ngày</u> trước khi <u>tổ chức họp</u> , các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. <u>Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u>	Căn cứ khoản 6 Điều 157 LDN
83		Không quy định	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi <u>thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u>	Bổ sung
84			10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư.	Bổ sung thêm nội dung này theo quy định của khoản 9 Điều 157 LDN 2020

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			fax, thư điện tử; đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác .	
85			12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Bổ sung theo Luật DN và Điều lệ mẫu
86	Điều 32 Ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban thuộc HĐQT		1. Ban kiểm toán nội bộ 1.1. Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; nhân sự Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. 1.2. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ a) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ. b) Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành. c) Phải kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các bộ phận/đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng công ty. d) Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ. đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.	Bổ sung quy định tại Nghị định 05/2019 và Thông tư hướng dẫn

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			1.3. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ, Người phụ trách Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành. 1.4. Điều kiện, tiêu chuẩn người làm công tác kiểm toán nội bộ a) Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ; b) Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại Tổng công ty hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra. c) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ. d) Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật. đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, nếu có;	
87		2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.	3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty.	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
88	Điều 33. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải <u>đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> a) <u>Có hiểu biết về pháp luật;</u> b) <u>Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;</u> c) <u>Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</u>	2. <u>Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.</u>	Căn cứ khoản 2 Điều 281 NBĐ 155/2020
89			4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: h) <u>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u>	Bổ sung điểm h theo NBĐ 155 (Điều 281)
90	Điều 35. Người điều hành Tổng công ty	Không quy định	1. <u>Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;</u> 3. <u>Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u> 5. <u>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u>	Bổ sung Luật DN và Điều lệ mẫu
91	Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) <u>thành viên Hội đồng quản trị</u> hoặc <u>thuê người khác làm Tổng giám</u>	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	giám đốc	giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.	<u>đốc</u> ; 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	
92			4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.	Chuyển từ khoản 15 lên
93	Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định	5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u>	
94		6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.	6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với <u>người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u>	Căn cứ điểm e Khoản 3 Điều 162 LDN 2020
95			8. <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u>	Căn cứ điểm h Khoản 3 Điều 162 LDN 2020
96			16. <u>Giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám</u>	Bổ sung thêm các nội dung

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			<u>đọc;</u>	trong thẩm quyền của TGD
97			17. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</u>	
98	Điều 40. Chấp thuận hợp đồng giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan	1. Các hợp đồng, giao dịch của Tổng công ty ký kết với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định như sau: a) Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</u>	1. Các hợp đồng, giao dịch của Tổng công ty ký kết với các đối tượng quy định tại <u>khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u> thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định như sau: - Các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. - <u>Hợp đồng giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u> <u>Người đại diện của Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 22</u>	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			của Điều lệ này.	
99	Điều 44. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 115, LDN2020
100		2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>trước khi tiến hành đề cử.</u>	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u> <u>Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật.</u>	Bổ sung trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
101	Điều 45. Thành phần Ban Kiểm soát	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: a) Có năng lực và hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý Tổng công ty; Không được giữ các chức vụ quản lý của Tổng công ty. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên; b) Có trình độ đại học, có kinh nghiệm làm kế toán viên hoặc kiểm toán viên từ 3 năm trở lên, am hiểu về kỹ thuật, nghiệp vụ của Tổng công ty;	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: a) <u>Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 17 khoản 2 Luật doanh nghiệp;</u> b) <u>Có trình độ đại học, được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành khác phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 169, LDN2020
102		Không quy định	c) <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Tổng công ty.</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 169, LDN2020
103		Không quy định	d) <u>Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;</u>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 169, LDN2020

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
104	Điều 46. Trưởng Ban kiểm soát	3. Các Kiểm soát viên bầu (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Điều 46. Trưởng Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. <u>Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</u> 2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:	Tách thành một điều riêng quy định về Trưởng Ban kiểm soát
105	Điều 47. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát	1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Bổ sung theo Luật DN 2020, ND 155, Điều lệ mẫu
106		a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;	1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán <u>được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u>	Tham khảo Khoản 1 Điều 39 Điều lệ mẫu
107		c) Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, <u>sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u>	3. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác <u>của Tổng công ty;</u>	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
108		Không quy định	<u>4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u> <u>6. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	
109		Không quy định	<u>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u>	
110		Không quy định	<u>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.</u>	Căn cứ Khoản 2 Điều 171 Luật DN 2020
111		Không quy định	<u>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</u>	Căn cứ Khoản 3 Điều 171 Luật DN 2020
112		Không quy định	<u>10. Giải quyết tố cáo trong các trường hợp: Đơn tố cáo liên quan đến thành viên Ban kiểm soát (trừ trường hợp đơn tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị giải quyết); đơn tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Bổ sung thêm để có căn cứ giải quyết
113	Điều 48. Cuộc họp Ban kiểm soát	Không quy định	<u>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các</u>	Bổ sung theo Điều 40 Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	
114		Không quy định	2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
115		1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát <u>họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần</u> và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.	3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.	
116		5. Cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 3/5 số thành viên trở lên tham dự.	5. Cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên trở lên tham dự.	Sửa đổi theo Luật DN và ĐL mẫu
117	Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công, Công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Bổ sung, sửa đổi theo Luật DN và ĐL mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
118		Không quy định	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	
119		Không quy định	6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
120		5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:	7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:	
121		b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã	b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% <u>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</u> , những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan ;	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; c) <u>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>		
122	Điều 52 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty; b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.	Xóa bỏ	Đề xuất bỏ theo Điều lệ mẫu
123	Điều 53. Những vấn đề liên quan về nhân sự của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	1. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên của Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng hoặc thủ quỹ của Tổng công ty. 2. <u>Các quy định khác theo quy định của pháp luật.</u>	1. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên của Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng hoặc thủ quỹ của Tổng công ty. 2. <u>Đảm bảo tuân thủ các quy định khác của pháp luật có liên quan.</u>	

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
124	Điều 54. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</u>	1. <u>Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u> a) <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</u> b) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.</u>	Trước đây là “Quyền điều tra sổ sách” Tách ra các nội dung cụ thể theo hướng các quyền thuộc cổ đông phổ thông và các quyền thuộc cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% theo quy định của LDN 2020
125	Điều 62. Lập Báo cáo tài chính	1. Tổng công ty phải lập và nộp bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 62 của Điều lệ này 2. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo đúng quy định của pháp luật . 3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty. 4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm, nếu có yêu	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và <u>báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán</u> theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường	Cập nhật lại trên cơ sở vận dụng Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính ban hành

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		cầu kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty, phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
126	Điều 64. Kiểm toán	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. <u>Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u>	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.	
127		3. <u>Bản sao</u> của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty	2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty	
128	Điều 65. Dấu của Tổng công ty	1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Dấu của Tổng công ty có thể được làm tại cơ sở khắc dấu <u>hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.</u> 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu

ST T	ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
129	Điều 64. Giải thể Tổng công ty	1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a) Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
130	Điều 70. Ngày hiệu lực	2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty;	2. Điều lệ được lập thành mười (3) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	